

Bản án số: 29/2019/DS-ST

Ngày: 21/6/2019

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Ba.

2/ Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2019/TLST-DS, ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 176/2019/QĐST-DS ngày 24/5/2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1977.

HKTT: Lộ B, phường T, thành phố L, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

– *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Lê Võ Hồng R, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 27/10/2018).

2/ Bị đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ S, ấp G, xã A, huyện L, Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và lời khai tiếp theo tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Võ Hồng R trình bày:

Ngày 04/12/2016, bà Trần Thị P có vay của nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn A số tiền 30.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh với thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng,

khi có nhu cầu lấy lại số nợ cho vay, ông Tuấn A thông báo cho bà P biết trước 01 tháng, việc cho vay giữa ông Tuấn A và bà P có lập Giấy vay tiền bằng giấy tay. Từ khi vay tiền đến nay, bà P không lần nào trả lãi cho ông Tuấn A như theo thỏa thuận mặc dù ông Tuấn A đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu bà thực hiện việc trả lãi, trả nợ gốc và ông Tuấn A đã báo trước thời gian là 01 tháng để bị đơn trả số nợ theo đúng thỏa thuận nhưng bà P cố tình tránh né, không thực hiện.

Ngày 29/10/2018, ông Nguyễn Tuấn A làm đơn khởi kiện nộp tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị P trả lại cho ông Nguyễn Tuấn A số tiền 48.000.000 đồng bao gồm 30.000.000 đồng tiền nợ gốc và 18.000.000 đồng tiền lãi.

Ngày 17/4/2019, ông với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị P trả lại cho ông Nguyễn Tuấn A số tiền 30.000.000 đồng nợ gốc, không yêu cầu lãi suất 18.000.000 đồng.

Ông yêu cầu bà P có trách nhiệm thanh toán cho ông Tuấn A số nợ gốc 30.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn bà Trần Thị P đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà P đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, không có lời khai của bà P tại hồ sơ vụ án.

— Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đề nghị về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà P thanh toán cho nguyên đơn số nợ gốc là 30.000.000 đồng, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu lãi suất, không xem xét về lãi suất do nguyên đơn không yêu cầu.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

— *Về quan hệ pháp luật:* Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn A yêu cầu bà Trần Thị P có trách nhiệm trả cho ông số nợ gốc là 30.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

— *Về thẩm quyền giải quyết:* Do bà Trần Thị P có nơi cư trú tại xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

– *Về người tham gia tố tụng:* Đối với ông Lê Văn Ph là chồng của bà Trần Thị P, do người đại diện của nguyên đơn xác định ông P không biết việc bà P vay nợ của nguyên đơn và không yêu cầu ông P cùng có trách nhiệm với bà P thanh toán số nợ cho nguyên đơn, việc giải quyết vụ án không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông P nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng Dân sự không đưa ông P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở.

Bà Trần Thị P đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo phiên họp, kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà P vẫn không đến tòa để cung cấp các tài liệu, chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp của mình, và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà P.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn A khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị P thanh toán cho nguyên đơn số nợ gốc 30.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc vay mượn tiền, thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả tiền giữa nguyên đơn và bị đơn đã được các bên lập thành hợp đồng vay vào ngày 04/12/2016 nên Hội đồng xét xử xác định việc vay mượn và nhận tiền là có thật, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà P trả lại cho ông Tuấn A số tiền gốc 30.000.000 đồng. Ông Tuấn A không yêu cầu lãi suất nên không xét.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền về lãi suất 18.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền về lãi suất 18.000.000 đồng là có cơ sở.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị P chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại ông Nguyễn Tuấn A số tiền tạm ứng án phí 1.200.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001080 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Long Thành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2, 4 Điều 91; khoản 1 Điều 96; khoản 1 Điều 147; Điều 217; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 472, 474, 305 của Bộ luật

Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn A, buộc bà Trần Thị P có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tuấn A số nợ gốc là 30.000.000 đồng, không xem xét về lãi suất.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn A đối với số tiền về lãi suất 18.000.000 đồng.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị P chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại ông Nguyễn Tuấn A số tiền tạm ứng án phí 1.200.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001080 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Long Thành.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Thùy Trang

